TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 4 - 2024
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 333/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thùy N, sinh ngày 01/01/1990; địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Kim Thanh Sa R, sinh ngày 01/01/1986; địa chỉ ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N trình bày: Vào năm 2013 chị và anh Kim Thanh Sa R tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc và quá trình chung sống có 01 người con tên Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013. Đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân với nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn, anh Kim Thanh Sa R thường xuyên uống rượu sai xỉn về nhà đánh đập chị

nhiều lần. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Kim Thanh Sa R; về con chung có 01 người tên Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013. Hiện hay đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Kim Thanh Sa R cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Kim Thanh Sa R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vi phạm quy định.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Vào năm 2013, chị N và anh Sa R được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, quá trình chung sống có 01 người con chung tên Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013. Nguyên nhân xin ly hôn chị N cho rằng hai bên bất đồng quan điểm, anh Sa R thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, điều này phù hợp với kết quả xác minh của Toà án. Về con chung tên Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013 hiện nay đang sống với chị N, qua tiếp xúc thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy N được ly hôn với anh anh Kim Thanh Sa R.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013 cho chị Trần Thị Thùy N được tiếp tục nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu Kim Chí L. Anh Kim T Sa Rây không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Kim Thanh Sa R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N và bị đơn anh Kim Thanh Sa R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy N và anh Kim Thanh Sa R tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T vào ngày 20/3/2013 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy N và anh Kim Thanh Sa R là hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2022 thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc làm ăn; quá trình ly thân hai bên gia đình có tạo điều kiện để anh, chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ đó, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy N và anh Kim Thanh Sa R đã trầm trọng; anh, chị đã bỏ mặt không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Trần Thị Thùy N yêu cầu cầu ly hôn với anh Kim Thanh S Rây là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Trần Thị Thùy N và anh Kim Thanh S Rây có 01 người con chung tên Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013. Thấy rằng, hiện nay cháu Kim Chí L đã trên 07 tuổi, hiện nay cháu đang sinh sống trực tiếp với chị Trần Thị Thùy N, đồng thời chị Thùy N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đối với cháu Kim Chí L; qua tiếp xúc thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Trần Thị Thùy N nên giao cho chị Trần Thị Thùy N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu Kim Chí L theo nguyện vọng của cháu; phía chị Trần Thị Thùy N không yêu cầu anh Kim Thanh Sa R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy N được ly hôn với anh anh Kim Thanh Sa R.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Chí L, sinh ngày 31/8/2013 cho chị Trần Thị Thùy N được tiếp tục nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu Kim Chí L. Anh Kim T Sa Rây không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thùy N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Thùy N đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018430 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Trần Thị Thùy N không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã An Quảng Hữu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône